

## Kinh tế Việt Nam

### Hoàng Công Tuấn

Trưởng bộ phận kinh tế

[Tuan.hoangcong@mbs.com.vn](mailto:Tuan.hoangcong@mbs.com.vn)

### Lê Minh Anh

Chuyên viên phân tích

[Anh.LeMinh@mbs.com.vn](mailto:Anh.LeMinh@mbs.com.vn)

- **Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2023 ước tính tăng 3,32% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 3,21% của quý I/2020 trong giai đoạn 2011-2023. Kinh tế quý II dự kiến chưa thể tăng trưởng bất phá nhưng sẽ cải thiện hơn so với quý I.**
- **So với tháng trước, CPI tháng 3/2022 giảm 0,23%. So với tháng 12/2022, CPI tháng 3/2023 tăng 0,74% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,35%. Tính chung quý I năm 2023, CPI tăng 4,18% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 5,01%.**
- **Tính chung quý I năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 154,27 tỷ USD, giảm 13,3% so với cùng kỳ năm trước.. Tính chung quý I năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 4,07 tỷ USD.**
- **Tính chung quý I năm 2023, IIP ước tính giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 6,8%). Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 3/2023 giảm xuống còn 47,7 điểm từ mức 51,2 điểm hồi tháng 2.**
- **Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý I năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 583,1 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 3 tháng đầu năm 2023 ước đạt 4,32 tỷ USD, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước.**
- **Từ đầu năm, NHNN đã mua ngoại tệ từ các TCTD để bổ sung dự trữ ngoại hối nhà nước và đưa lượng tiền lớn VND vào lưu thông giúp cho thị trường ngoại tệ ổn định, giá trị đồng VND có xu hướng tăng lên so với đồng USD.**

## Hoạt động kinh tế

### Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2023 ước tính tăng 3,32% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 3,21% của quý I/2020 trong giai đoạn 2011-2023. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,52%, đóng góp 8,85% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 0,4%, làm giảm 4,76%; chỉ có lĩnh vực dịch vụ là điểm sáng trong bức tranh kinh tế của Việt Nam trong quý I, với giá trị tăng thêm của ngành này tăng 6,79%, đóng góp 95,91%.

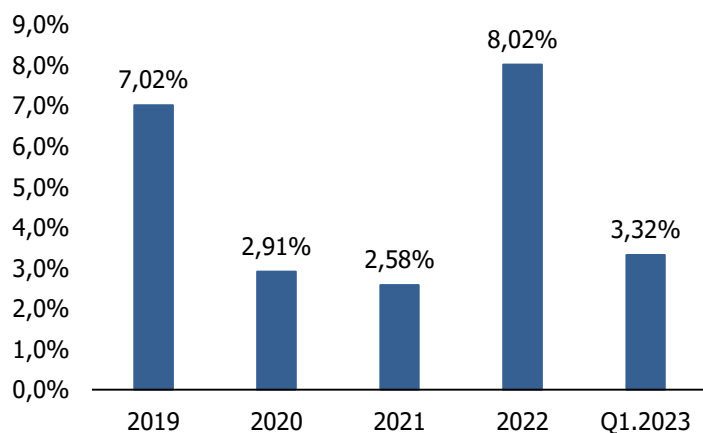
Về cơ cấu nền kinh tế quý I/2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,66%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 35,47%; khu vực dịch vụ chiếm 43,65%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,22% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2022 là 11,57%; 37,08%; 42,06%; 9,29%).

### Lạm phát

Trong quý I năm 2023, thị trường hàng hóa thế giới chịu tác động đan xen bởi nhiều yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội. Tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường, xung đột quân sự giữa Nga và Ucraina chưa dừng lại, chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất ở mức cao, tiêu dùng và các hoạt động kinh tế suy giảm trên diện rộng tại nhiều quốc gia đã tác động đến giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới. Tuy nhiên, trong nước kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn cơ bản được bảo đảm. Thị trường tiền tệ với tỷ giá ổn định và lãi suất đang có xu hướng giảm. So với tháng trước, CPI tháng 3/2022 giảm 0,23% (khu vực thành thị giảm 0,15%; khu vực nông thôn giảm 0,31%). So với tháng 12/2022, CPI tháng 3/2023 tăng 0,74% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,35%. Tính chung quý I năm 2023, CPI tăng 4,18% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 5,01%.

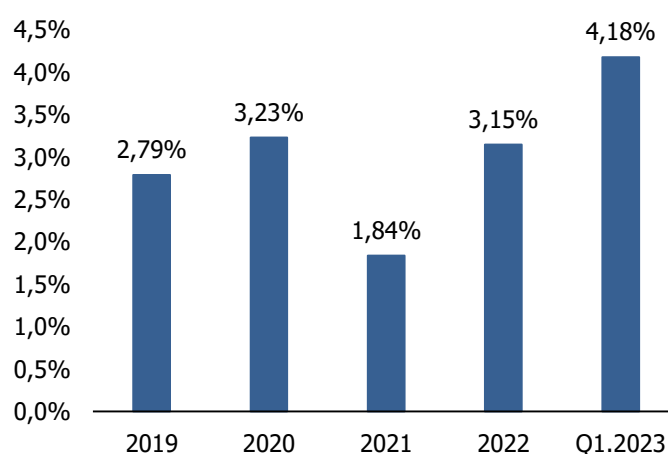
Yếu tố chính làm tăng CPI trong Q1/2023 đến từ nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng quý I/2023 tăng 7,17% so với cùng kỳ năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào và giá thuê nhà ở tăng cao. Tuy nhiên, giá xăng dầu trong nước giảm 11,09% so với cùng kỳ năm trước theo biến động của giá thế giới tác động làm giảm chỉ số CPI.

**Tăng trưởng GDP (n/n) của Việt Nam**



Nguồn: TCTK.

**Lạm phát bình quân 5 năm gần đây của Việt Nam**



Nguồn: TCTK.

### Hoạt động thương mại

Tính chung quý I năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 154,27 tỷ USD, giảm 13,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó xuất khẩu ước đạt 79,17 tỷ USD, giảm 11,9% (cùng kỳ tăng 14,4%); nhập khẩu ước đạt 75,1 tỷ USD, giảm 14,7% so với cùng kỳ (cùng kỳ tăng 15,6%). Tính chung quý I năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 4,07 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 1,9 tỷ USD).

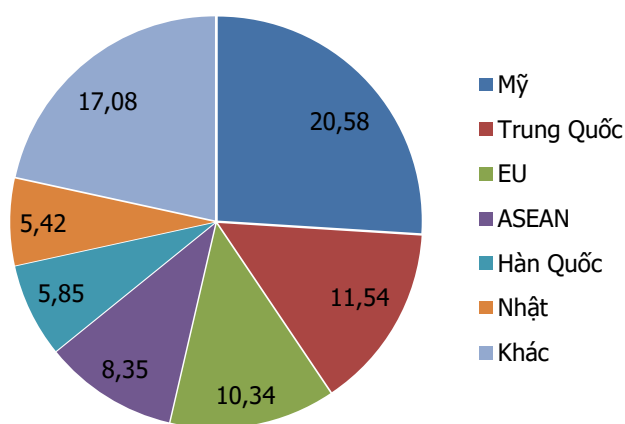
Kim ngạch xuất nhập khẩu tới hầu hết các thị trường, đối tác thương mại lớn của nước ta trong quý I/2023 đều giảm. Trong đó, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 20,57 tỷ USD, chiếm 26% tổng KNXX và giảm 21,6% so với cùng kỳ năm trước; tiếp đến là Trung Quốc đạt 11,54 tỷ USD, giảm 13,8%; thị trường EU đạt 10,37 tỷ USD, giảm 10,8%; thị trường ASEAN đạt 8,34 tỷ USD, tăng 2%; Hàn Quốc đạt 5,8 tỷ USD, giảm 5,5%; Nhật Bản đạt 5,4 tỷ USD, tăng 0,9%. Mặt khác, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 23,6 tỷ USD, giảm 14,6% so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu trong quý I, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm thủy sản ước đạt 6,86 tỷ USD, (-7,5% n/n), chiếm 8,7% tổng kim ngạch xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến chế tạo quý I/2023 suy giảm mạnh, ước đạt 67,5 tỷ USD, (-13,1% n/n) do chịu ảnh hưởng từ sự suy giảm kinh tế toàn cầu, tổng cầu giảm sút, nhu cầu của các thị trường xuất khẩu lớn giảm mạnh. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nhiên liệu khoáng sản ước đạt 1,01 tỷ USD, chiếm 1,2% tổng kim ngạch, (-3,1% n/n).

Về cơ cấu nhập khẩu hàng quý I, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước đạt 70,22 tỷ USD, chiếm 93,5% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa (-15% n/n). Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng ước đạt 4,88 tỷ USD chiếm 6,5%, (-8,9%).

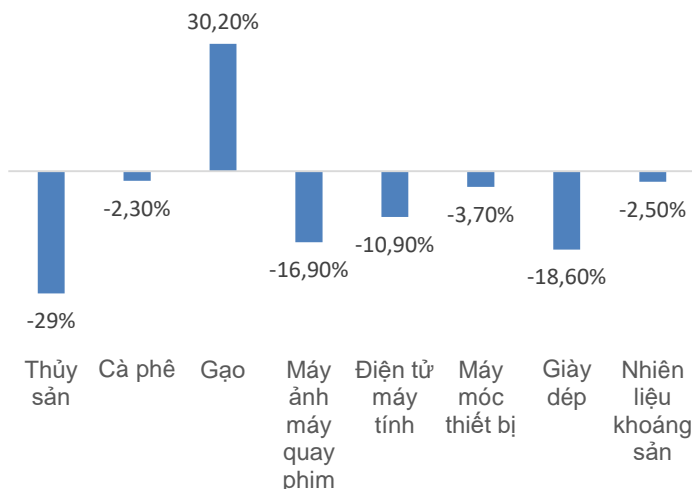
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Ba ước đạt 501,3 nghìn tỷ đồng, tăng 2,0% so với tháng trước và tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 1.505,3 nghìn tỷ đồng, tăng 13,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 28,4% và doanh thu du lịch lữ hành tăng 119,8%.

**Thị trường xuất khẩu của Việt Nam Q1.2023 (tỷ USD)**



Nguồn: TCTK.

**Tăng trưởng mặt hàng XK chính của VN Q1.2023 (%n/n)**



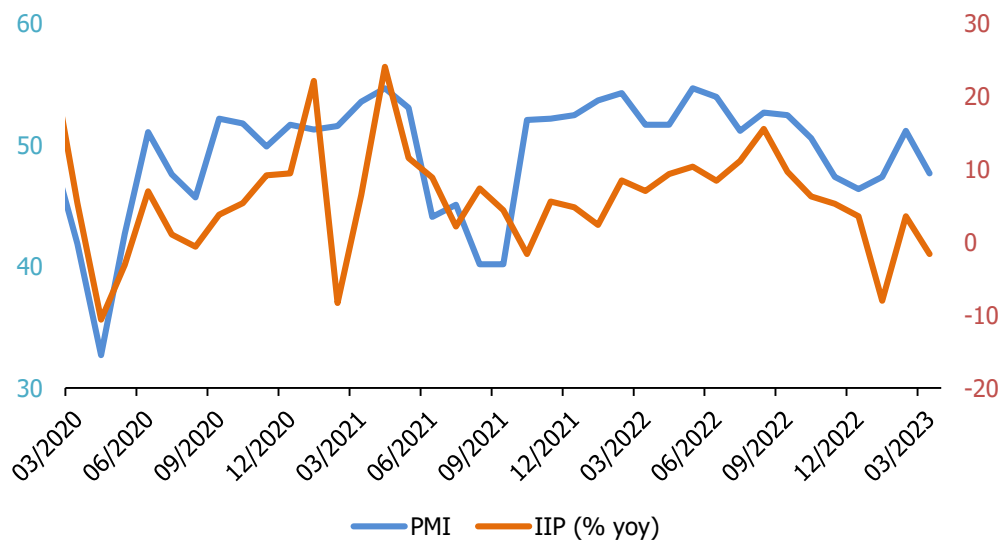
Nguồn: TCTK.

### Sản xuất công nghiệp

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp quý I năm 2023 ước tính giảm 0,82% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,37%, làm giảm 0,1 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế. Tính chung quý I năm 2023, IIP ước tính giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 6,8%), trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 2,4% (quý I/2022 tăng 7,3%) do kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, biến động khó lường, lạm phát các nước mặc dù hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, đơn hàng giảm, kim ngạch xuất khẩu giảm.

Theo báo cáo Chỉ số Nhà Quản trị mua hàng (PMI) mới nhất của S&P Global, chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 3/2023 giảm xuống còn 47,7 điểm từ mức 51,2 điểm hồi tháng 2. Tổng số lượng đơn đặt hàng mới và số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới đều ghi nhận giảm trong tháng 3. Trong đó, tổng số lượng đơn đặt hàng mới đã giảm lần thứ 4 trong vòng 5 tháng trở lại đây. Số lượng đơn đặt hàng mới từ nước ngoài cũng ghi nhận giảm lần đầu tiên kể từ đầu năm. Chỉ duy nhất lĩnh vực dịch vụ là điểm sáng trong bức tranh kinh tế của Việt Nam trong quý I, với giá trị tăng thêm của ngành này tăng 6,79% so với cùng kỳ.

**Chỉ số PMI sản xuất và IIP (% so với cùng kỳ) của Việt Nam**



Nguồn: Bloomberg.

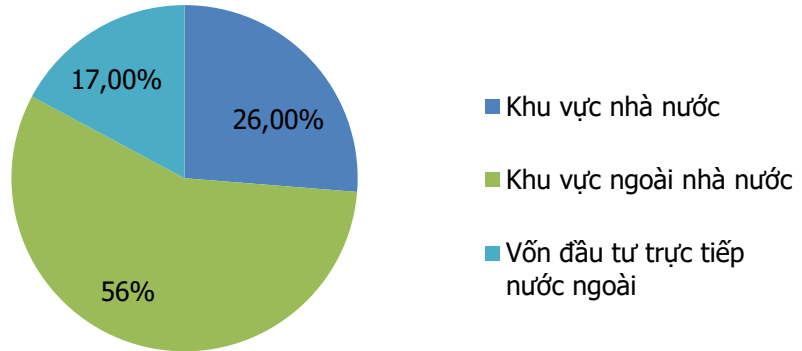
### Đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý I năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 583,1 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước ước đạt 153 nghìn tỷ đồng, chiếm 26,2% tổng vốn đầu tư và tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước cho thấy sự quyết tâm nỗ lực của Chính phủ, bộ ngành và địa phương trong việc đẩy mạnh thực hiện nguồn vốn đầu tư công nhằm tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.; khu vực ngoài Nhà nước đạt 328,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 56,4%, tăng 1,8%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 101,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 17,4% và giảm 1,1%.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 30/3/2023 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài

đạt 7,8 tỷ USD, giảm 19,3% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 3 tháng đầu năm 2023 ước đạt 4,32 tỷ USD, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước.

**Cơ cấu nguồn vốn đầu tư toàn xã hội Q1.2023**



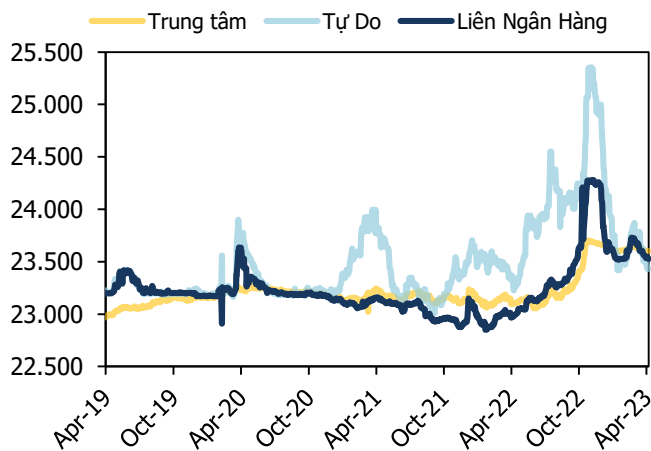
Nguồn: TCTK.

**Tỷ giá**

Từ đầu năm, NHNN đã mua ngoại tệ từ các TCTD để bổ sung dự trữ ngoại hối nhà nước và đưa lượng tiền lớn VND vào lưu thông giúp cho thị trường ngoại tệ ổn định. So với cuối tháng 2, tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do hiện nay giảm 440 đồng và hiện giao dịch ở mức 23.430 đồng/USD. Tỷ giá trung tâm và liên ngân hàng lần lượt giao dịch ở mức 23.603 đồng/USD, giảm 41 đồng và 23.527 đồng/USD, giảm 191 đồng.

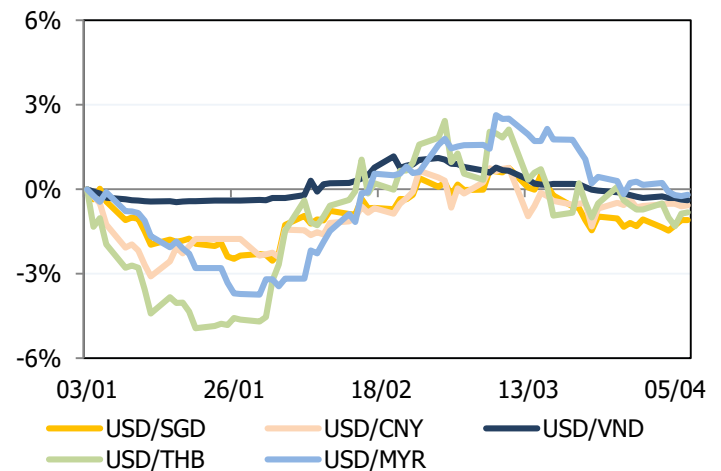
Chỉ số USD Index đang ghi nhận ở mức 102,19. Chỉ số USD index đã giảm 1,8% trong tháng 3, chịu áp lực bởi lo ngại rằng bất ổn trong lĩnh vực ngân hàng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế, khiến Fed phải tạm dừng chu kỳ thắt chặt tiền tệ sớm hơn dự kiến trước đó. Trong tháng 3, FED đã chấp thuận mức tăng lãi suất 0,25 điểm phần trăm, mức tăng nhỏ nhất kể từ tháng 3/2022, đưa lãi suất liên bang về phạm vi mục tiêu là 4,5% - 4,75%.

**Tỷ giá VND/USD**



Nguồn: Bloomberg

**Diễn biến tỷ giá một số đồng tiền so với USD**



Nguồn: Bloomberg

## Các chỉ số kinh tế Việt Nam

Các chỉ tiêu kinh tế	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
<b>1. GDP, dân số và thu nhập</b>							
GDP Danh Nghĩa (tỷ USD)	193,2	205,3	223,8	245,2	262,4	270,0	409
Tăng trưởng GDP (%)	6,69	6,94	7,47	7,36	2,87	2,56	8,02
Xuất khẩu hàng hóa (% yoy)	7,9	9,0	21,8	13,2	8,4	6,5	10,6
Nhập khẩu hàng hóa (% yoy)	12,0	5,6	21,9	11,1	6,8	3,6	8,4
Dân số (triệu người)	93,6	94,6	95,5	96,4	97,7	98,5	99,3
GDP/đầu người (USD)	2.086	2.172	2.353	2.551	2.740	2.750	4.110
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2,33	2,33	2,2	2,2	2,2	2,9	2,32
<b>2. Chỉ số tài khóa (%GDP)</b>							
Nợ chính phủ	52,7	51,7	50	49,2	51,5	39,5	34,7
Nợ công	61,4	58,4	56,1	58,7	43,7	58,7	38
Nợ nước ngoài	44,8	48,9	46	45,8	47,0	47,1	36,8
<b>3. Các chỉ số tài chính</b>							
Tỷ giá USD/VND	22.740	22.690	23.180	23.228	23.115	23.145	23.612
Lạm phát (%)	2,7	3,5	3,5	2,8	3,23	1,94	3,15
Tăng trưởng tín dụng (%)	17,1	18,7	18,2	13,9	12,1	11	14,5
Lãi suất cho vay 12 tháng	8,5	8,5	8,5	8,5	8,5	8	9,5
Cán cân thương mại (triệu USD)	-3.759	1.602	1.903	6.795	11.100	19.100	11.200
Hàng hóa: Xuất khẩu (triệu USD)	162.017	176.581	215.119	243.483	264.200	267.100	371.850
Hàng hóa: Nhập khẩu (triệu USD)	174.978	213.215	236.688	253.100	251.000	332.250	360.650
Tổng dự trữ ngoại hối (triệu USD)	36.906	49.497	54.491	79.000	100.000	110.000	89.000

Nguồn: MBS tổng hợp và dự phóng.

## SẢN PHẨM

Sản phẩm này cập nhật những diễn biến mới nhất của nền kinh tế Việt Nam. Báo cáo tập trung vào các vấn đề kinh tế vĩ mô quan trọng như lạm phát, tăng trưởng kinh tế, cán cân thương mại, tỷ giá và các chính sách vĩ mô. Báo cáo này cũng dự báo những biến số ảnh hưởng lớn đến thị trường chứng khoán. MBS phát hành báo cáo này, nhưng những sai sót nếu có thuộc về tác giả. Chúng tôi cảm ơn khách hàng đã đọc và gửi phản hồi về các sản phẩm của chúng tôi.

## KHOẪI NGHIÊN CỨU

Chúng tôi cung cấp các nghiên cứu kinh tế và cổ phiếu. Bộ phận nghiên cứu kinh tế đưa ra các báo cáo định kỳ về các vấn đề kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ và thị trường trái phiếu. Bộ phận nghiên cứu cổ phiếu chịu trách nhiệm các báo cáo về công ty niêm yết, báo cáo công ty tiềm năng và báo cáo ngành. Khối Nghiên Cứu cũng đưa ra các bình luận và nhận định về thị trường thông qua bản tin là The Investor Daily.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác. Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp. Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty CP Địa ốc MB (MB Land), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS tự hào được nhìn nhận là

- Công ty môi giới hàng đầu, đứng đầu về thị phần môi giới từ năm 2009;
- Công ty nghiên cứu có tiếng nói trên thị trường với đội ngũ chuyên gia phân tích có kinh nghiệm, cung cấp các sản phẩm nghiên cứu về kinh tế và thị trường chứng khoán; và
- Nhà cung cấp đáng tin cậy các dịch vụ về nghiệp vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty quy mô vừa.

## MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội  
ĐT: + 84 24 7304 5688 - Fax: +84 3726 2601  
Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.